

GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HUẤN LUYỆN MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHO HỌC SINH - SINH VIÊN TRƯỜNG CAO ĐẲNG CẢNH SÁT NHÂN DÂN II

SOLUTIONS TO IMPROVE THE QUALITY OF PHYSICAL TRAINING
FOR STUDENTS OF THE PEOPLE'S POLICE COLLEGE II

LÊ RÍCH TÔ^(*) và HOÀNG VĂN OÁNH^(**)

TÓM TẮT: Giáo dục thể chất là một mục tiêu trong giáo dục toàn diện của Đảng và Nhà nước ta, trong hệ thống giáo dục quốc dân. Muốn duy trì phát triển công tác giáo dục thể chất của trường một cách hiệu quả, cần có nhiều giải pháp và quan trọng nhất là phải có sự phối hợp hài hòa giữa các giải pháp thì chất lượng huấn luyện môn giáo dục thể chất mới ngày càng phát triển và có chất lượng tốt hơn. Thông qua việc nâng cao chất lượng giáo dục thể chất, tạo ra sân chơi cuốn hút học sinh - sinh viên vào các hoạt động lành mạnh, làm giảm đi các tệ nạn xã hội. Từ đó, nâng cao được vị thế nhà trường trong giáo dục đào tạo [2]. Chính vì vậy, tác giả đã thực hiện nghiên cứu này với mục đích đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng huấn luyện môn giáo dục thể chất.

Từ khóa: giáo dục thể chất, chất lượng huấn luyện, giải pháp.

ABSTRACTS: Physical education is a goal in the comprehensive education of our Party and State, in the national education system. In order to sustainably develop the school's physical education, there are many solutions and, most importantly, the harmonious combination of solutions, the quality of new physical education training Growing and better quality. By improving the quality of physical education, creating a playground that attracts students and students to healthy activities and reduces social evils. Since then, raising the school's position in education and training [2]. Therefore, the author has done this research with the aim of proposing solutions to improve the quality of physical training.

Key words: Physical education, coaching quality, solutions.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng căn dặn, đối với việc học tập, cần phải chú ý: “làm thế nào cho việc học tập thiết thực, vui vẻ, không câu lệ, hình thức, tuyệt đối tránh cách nhồi sọ, lý luận và thực hành

phải đi đôi với nhau” [1]. Người còn nói, “muốn học tập có kết quả phải có thái độ đúng và phương pháp đúng”. Lòng khao khát hiểu biết, tính tích cực cao trong hoạt động nhận thức, khả năng tự rèn luyện bản thân là những đức tính cần được giáo dục

(*) ThS. Trường Cao Đẳng Cảnh sát Nhân dân II, tophulam@gmail.com, Mã số: TCKH03-22-2017

(**) CN. Trường Cao Đẳng Cảnh sát Nhân dân II

và phát triển cho học sinh - sinh viên trong các hoạt động giáo dục của nhà trường. Trong đó, tự rèn luyện bản thân là yếu tố rất cần được quan tâm đúng mức trong hệ thống giáo dục hiện nay mà cốt lõi là việc Giáo dục Thể chất cho học sinh - sinh viên.

Tuy nhiên, thực tiễn đào tạo trong các trường công an nhân dân nói chung và Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II nói riêng cho thấy, hầu hết học sinh - sinh viên còn gặp một số khó khăn nhất định do phương pháp và môi trường học tập trong các trường công an nhân dân là tương đối mới, nhóm các môn học vừa mang tính cơ bản vừa mang tính nghiệp vụ cơ sở lần đầu được tiếp xúc còn nhiều điều mới lạ nên phần lớn học sinh - sinh viên chưa nhận thức đầy đủ sự cần thiết của các môn học này, chưa tích cực và chủ động trong học tập. Hơn nữa, vẫn còn không ít học sinh - sinh viên có tư tưởng không coi trọng việc học hay học chỉ để lấy điểm tổng kết,... cho nên, chất lượng học tập chưa được cao. Trong khi đó, giáo dục thể chất giúp cho học sinh - sinh viên tiếp thu được các kỹ năng, kỹ xảo vận động và các kiến thức có liên quan như: chạy, nhảy, ném, bắn, võ,... để phục vụ cho cuộc sống lao động và bảo vệ Tổ quốc. Ngoài ra, giáo dục thể chất còn giúp hoàn thiện các chức năng điều chỉnh của hệ thần kinh, làm tăng trưởng cơ bắp, tăng thêm khả năng chức phận của hệ tim mạch và hệ hô hấp, từ đó sẽ tạo ra một thể lực tốt giúp cho học sinh - sinh viên khỏe mạnh để học tập có hiệu quả và đạt thành tích cao hơn [3]. Xuất phát từ những yêu cầu trên, chúng tôi tìm hiểu và đề xuất một số giải pháp giúp cho học sinh - sinh viên của trường học môn giáo dục thể chất đạt

chất lượng và hiệu quả hơn; giúp cho học sinh, sinh viên nâng cao khả năng tự rèn luyện bản thân của các em đáp ứng được yêu cầu của nhà trường.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp nghiên cứu lý thuyết

Sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp lý thuyết, phân loại, hệ thống hóa và khái quát hóa lý thuyết trên cơ sở nghiên cứu các tài liệu trong và ngoài nước có liên quan.

2.2. Phương pháp nghiên cứu thực tiễn

Phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi: Sử dụng phiếu điều tra nhằm khảo sát thực trạng thái độ, nhận thức của học sinh - sinh viên về việc học tập môn Giáo dục Thể chất của học sinh - sinh viên hiện nay.

Phương pháp quan sát: Quan sát hoạt động học tập môn Giáo dục Thể chất của học sinh - sinh viên diễn ra ở Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II thông qua việc dự giờ các buổi học, các hoạt động ngoại khóa nhằm quan sát những hành vi, thái độ của học sinh - sinh viên trong quá trình tham gia. Trong quá trình quan sát có ghi chép, nhận xét, đánh giá những kết quả thu được, bổ sung tư liệu thực tiễn và so sánh với những phương pháp nghiên cứu khác.

2.3. Các phương pháp thống kê toán học

Các thông tin định lượng được xử lý bằng phần mềm SPSS. SPSS là phần mềm thống kê được sử dụng phổ biến cho các nghiên cứu điều tra xã hội học và kinh tế lượng. SPSS được các nhà nghiên cứu sử dụng rộng rãi cho các nghiên cứu trong các lĩnh vực: Tâm lý học, tội phạm học; điều tra xã hội học; nghiên cứu kinh doanh; nghiên cứu trong y sinh. Sử dụng phương pháp thống kê mô tả và thống kê suy diễn để trình bày kết quả từ phiếu khảo sát thu về.

3. THỰC TRẠNG GIẢNG DẠY – HUẤN LUYỆN MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG CẢNH SÁT NHÂN DÂN II

3.1. Chương trình môn học Giáo dục thể chất của Trường Cao đẳng Cảnh sát Nhân dân II

Thực hiện mục tiêu đào tạo giáo dục thể chất và phát triển các hoạt động thể dục thể thao trong hệ thống đào tạo của ngành cảnh sát nói chung và của trường Cao đẳng Cảnh sát Nhân Dân II nói riêng luôn được Bộ Công an chú trọng và xác định là công tác trọng tâm, là nội dung bắt buộc trong chương trình đào tạo được quy định đối với các trường Cảnh Sát. Do đó, Bộ Công an đã ban hành các quyết định về nội dung chương trình đối với các trường Cao đẳng Cảnh sát Nhân Dân theo quy định phê duyệt chương trình khung giáo dục trung cấp chuyên nghiệp nhóm ngành An ninh trật tự số 566/QĐ-BCA(X11) ngày 05/03/2009 của Bộ Trưởng Bộ Công An và hướng dẫn giảng dạy các môn học Giáo dục quốc phòng, võ thuật công an nhân dân và giáo dục thể chất trong các Trường Cảnh Sát Nhân Dân số 2442/X11(X14) ngày 22/04/2009 của Tổng cục Trưởng Tổng cục III.

3.2. Giảng viên và cơ sở vật chất dạy học môn Giáo dục thể chất của Trường Cao đẳng Cảnh sát Nhân dân II

3.2.1. *Đội ngũ cán bộ giáo viên giảng dạy môn Giáo dục thể chất*

Để thực hiện tốt mục tiêu đào tạo, vai trò của đội ngũ giáo viên là hết sức quan trọng, là yếu tố chủ đạo. Trong những năm qua, tuy nhà trường thường xuyên chú ý đến việc bồi dưỡng, giáo dục và chăm lo cho đội ngũ giáo viên cả về số lượng lẫn chất lượng, nhưng thực tế đội ngũ giáo viên

thể dục thể thao của nhà trường hiện nay còn một số mặt tồn tại như sau: Hiện nay nhà trường có 14 đồng chí nam và 02 đồng chí nữ. Trong đó có 44% giáo viên trên 30 tuổi có thâm niên giảng dạy trên 10 năm trở lên, 56% giáo viên có độ tuổi dưới 30 tuổi trở xuống có thâm niên giảng dạy dưới 5 năm và đặc biệt có một đồng chí có độ tuổi trên 45 tuổi và hiện cũng đang giữ chức vụ lãnh đạo cấp cao của khoa phòng. Nhà trường hiện có 16 đồng chí (100%) đạt trình độ đại học, có 3 đồng chí (19%) đạt trình độ thạc sĩ và chưa có đồng chí nào đạt trình độ tiến sĩ. Phần lớn đội ngũ giáo viên thể dục thể thao có thời gian giảng dạy từ 03 năm trở lên. Giáo viên cao cấp thể dục thể thao hiện nay là không có đồng chí nào. Giáo viên chính thể dục thể thao có 04 đồng chí chiếm tỷ lệ 25%. Còn số giáo viên có chức danh giáo viên trung cấp thể dục thể thao là 14 đồng chí chiếm 65%.

3.2.2. *Cơ sở vật chất dạy học môn Giáo dục thể chất*

Cơ sở vật chất và trang thiết bị cho công tác giáo dục thể chất và phong trào hoạt động thể dục thể thao của nhà trường được thống kê như sau:

TT	Cơ sở vật chất, dụng cụ	Số lượng	Chất lượng
1	Sân bóng đá	01	Sân đất
2	Sân bóng chuyền	05	Xi măng
3	Đường chạy	01	Xi măng (khuôn viên trường)
4	Mô hình sân bóng rổ	04	Trụ sắt, sân xi măng
5	Bóng rổ	120/quả	40% chất lượng kém
6	Bóng chuyền	140/quả	30% chất lượng kém
7	Tạ	20/quả	40% chất lượng kém

3.3. Phương pháp dạy và học môn Giáo dục thể chất của Trường Cao đẳng Cảnh sát Nhân dân II

Phương pháp dạy và học được xác định là nhân tố hàng đầu, có ý nghĩa quan trọng quyết định trực tiếp đến chất lượng đào tạo và được hiểu là cách thức hoạt động cùng nhau của người dạy và người học hướng tới việc giải quyết các nhiệm vụ trong quá trình dạy và học. Phương pháp dạy và học được xác định là cách mà giáo viên chỉ đạo, tổ chức, điều khiển hoạt động của học viên và cách mà học viên tiến hành hoạt động tiếp nhận các năng lực, kiến thức... do giáo viên truyền đạt. Dưới sự giảng dạy và hướng dẫn của giáo viên, học viên phải thích ứng với phương pháp dạy học tích cực như: biết nhận thức được mục đích học tập, tự giác trong học tập, có ý thức trách nhiệm về kế hoạch học tập, biết xây dựng và tự thực hiện kế hoạch học tập một cách khoa học... Phương pháp giảng dạy và tập luyện trong giờ học giáo dục thể chất được chú trọng để đáp ứng những yêu cầu của chương trình đào tạo mới là phải được chuyển biến mạnh theo hướng phát triển khả năng chủ động của học viên, kích thích học viên bộc lộ những cảm xúc, thái độ trước những vấn đề cần thảo luận và khuyến khích học viên vận dụng linh hoạt các kiến thức đã học và kỹ năng kỹ xảo đã tập luyện vào những tình huống thực tế. Nhóm phương pháp giảng dạy và tập luyện trong giờ học giáo dục thể chất được chú trọng, sử dụng thường xuyên và đạt được một số hiệu quả gồm:

Phương pháp phân tích, giảng giải, thuyết trình đạt được mức độ sử dụng rất thường xuyên cao nhất nhằm mục đích giáo viên truyền đạt nội dung bài giảng một

cách khoa học và học viên tiếp nhận theo trật tự nhất định.

Phương pháp trực quan trực tiếp thông qua thị phạm động tác cũng được giáo viên sử dụng ở mức thường xuyên với mục đích là gây tác động trực tiếp lên giác quan học viên thông qua các động tác thật hoặc mô phỏng trực tiếp động tác của giáo viên.

Phương pháp phân chia và hoàn chỉnh được sử dụng kết hợp mức tương đối thường xuyên khi tập luyện các động tác có tính chất phức tạp phải phối hợp nhiều cử động của các bộ phận cơ thể.

4. KẾT QUẢ

4.1. Các giải pháp đề xuất

Giải pháp 1: Đổi mới phương pháp dạy học (xây dựng chương trình bằng trò chơi; tổ chức các hội thao - chiến sĩ khỏe); Tổ chức giao lưu ngoại khóa với các trường và địa phương).

Giải pháp 2: Tăng cường công tác quản lý và đảm bảo cơ sở vật chất.

Giải pháp 3: Nâng cao trình độ cho đội ngũ giảng viên dạy môn Giáo dục Thể chất.

4.2. Đánh giá các giải pháp

4.2.1. Đánh giá bằng phương pháp chuyên gia

Chúng tôi tiến hành đánh giá các giải pháp đã đề xuất bằng phương pháp phỏng vấn kết hợp trò chuyện xin ý kiến. Đối tượng phỏng vấn: Cán bộ quản lý có kinh nghiệm trong lĩnh vực huấn luyện giáo dục thể chất, giảng viên đang trực tiếp giảng dạy giáo dục thể chất tại Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II. Các nội dung đánh giá trong phỏng vấn: Đổi mới phương pháp dạy học (xây dựng trò chơi), tổ chức các hội thao (chiến sĩ khỏe), tổ chức giao lưu ngoại khóa với các trường và địa phương, tăng cường công tác quản lý và nâng cao

trình độ cho đội ngũ giảng viên dạy môn Giáo dục Thể chất. Kết quả phỏng vấn:

Nội dung	Rất thiết thực (%)	Thiết thực (%)	Ít thiết thực (%)	Không thiết thực (%)
1. Đổi mới phương pháp dạy học (xây dựng trò chơi)	69	31	0	0
2. Tổ chức các hội thao (chiến sĩ khỏe)	50	31	13	6
3. Tổ chức giao lưu ngoại khóa với các trường và địa phương	50	38	9	3
4. Tăng cường công tác quản lý và đảm bảo cơ sở vật chất	37	25	25	13
5. Nâng cao trình độ cho đội ngũ giảng viên dạy môn Giáo dục Thể chất.	44	28	18	10

Kết quả phỏng vấn ý kiến đánh giá của các chuyên gia:

Giải pháp Đổi mới phương pháp dạy học (xây dựng trò chơi) được các chuyên gia đánh giá cao (69% rất thiết thực và 31% thiết thực). Do đó, đổi mới phương pháp dạy học (xây dựng trò chơi) đã đề xuất có khả năng áp dụng vào thực tế.

4.2.2. Đánh giá bằng phương pháp thực nghiệm

Mục tiêu thực nghiệm: Nhằm đánh giá tính đúng đắn của giả thuyết, kiểm chứng tính khoa học của các giải pháp đã xây dựng, qua đó đánh giá tính khả thi và hiệu quả của việc vận dụng các giải pháp đó.

Nội dung thực nghiệm: Bài giảng kỹ thuật các nội dung, giáo án thực nghiệm kỹ thuật các nội dung,...

Đối tượng: Lớp Đối chứng K22, lớp Thực nghiệm K22.

Thời gian thực nghiệm: Từ tháng 06-2016 tới tháng 07-2016

Kế hoạch thực nghiệm: Triển khai thực nghiệm dựa trên nội dung bài học của môn Giáo dục Thể chất kết hợp phương pháp

vận dụng trò chơi đã đề xuất, xử lý phân tích kết quả để đánh giá tính khả thi của quy trình và tính hiệu quả khi vận dụng phương pháp dạy học mới (xây dựng trò chơi). Cụ thể: Xin ý kiến lãnh đạo bộ môn về việc tổ chức phương pháp dạy học mới (xây dựng trò chơi) cho môn Giáo dục Thể chất và xin bộ môn hỗ trợ thêm về chuyên môn. Kết quả: bộ môn đồng tình và sẵn sàng giúp đỡ về chuyên môn, đồng thời cử hai giáo viên trong bộ môn tham gia hỗ trợ giảng dạy và bộ môn sẽ xem xét nếu hiệu quả sẽ nhân rộng mô hình cho các lớp còn lại chưa học môn Giáo dục Thể chất.

Chọn lớp đối chứng và lớp thực nghiệm.

Triển khai thiết kế các hoạt động dạy học và tổ chức dạy học trên nội dung của bài kỹ thuật các nội dung nhảy trong học phần Giáo dục Thể chất.

So sánh kết quả học tập của hai lớp từ đó đưa ra đánh giá chung về hiệu quả của việc vận dụng phương pháp dạy học mới (xây dựng trò chơi) vào giảng dạy nội dung trong học phần Giáo dục Thể chất.

Đánh giá tính khả thi và hiệu quả của việc vận dụng phương pháp dạy học mới (xây dựng trò chơi) vào giảng dạy môn Giáo dục Thể chất. Từ đó điều chỉnh, bổ sung để hiệu quả giảng dạy ngày càng cao.

Sau khi tổ chức kiểm tra lớp Thực nghiệm và lớp Đối chứng trên cùng một đề kiểm tra. Chúng tôi thu được kết quả, sau đó đánh giá hiệu quả học tập.

Bài kiểm tra số 1

Sau khi dạy thực nghiệm sư phạm, chúng tôi tiến hành kiểm tra để đánh giá kết quả học tập lớp Thực nghiệm và lớp Đối chứng.

Bảng 1. Bảng thống kê điểm trung bình bài kiểm tra số 1

Điểm số X_i	Lớp Đối chứng			Lớp Thực nghiệm		
	Tần số xuất hiện f_i	Tổng điểm số $X_i f_i$	$X_i^2 f_i$	Tần số xuất hiện f_i	Tổng điểm số $X_i f_i$	$X_i^2 f_i$
Tổng số	$\Sigma f_i = 28$	$\Sigma X_i f_i = 172$	$\Sigma X_i^2 f_i = 1083$	$\Sigma f_i = 28$	$\Sigma X_i f_i = 198.5$	$\Sigma X_i^2 f_i = 1419.25$
Điểm TB $\frac{\Sigma X_i f_i}{\Sigma f_i}$	$\bar{X} = \frac{\Sigma X_i f_i}{\Sigma f_i} = 6.14$			$\bar{X} = \frac{\Sigma X_i f_i}{\Sigma f_i} = 7.09$		
Độ lệch chuẩn	$S_x = \sqrt{\frac{n \Sigma X_i^2 f_i - (\Sigma X_i f_i)^2}{n(n-1)}} = 0.99$			$S_x = \sqrt{\frac{n \Sigma X_i^2 f_i - (\Sigma X_i f_i)^2}{n(n-1)}} = 0.67$		

Từ bảng tổng kết điểm số cho thấy lớp Thực nghiệm có điểm số trung bình cao hơn lớp Đối chứng. Điều đó chứng tỏ rằng, khi sử dụng các giải pháp hỗ trợ trong quá trình dạy học thì kết quả học tập được nâng cao. Qua bảng thống kê điểm số nêu trên, lớp Thực nghiệm có điểm trung bình cao hơn lớp Đối chứng 0,95 điểm, trong khi đó

độ lệch chuẩn lại thấp hơn 0,32. Độ lệch chuẩn được dùng để xét tính chất tượng trưng của trung bình cộng, phân bố nào có độ lệch chuẩn nhỏ hơn thì trung bình cộng của phân bố ấy có tính chất tượng trưng cao hơn. Vì vậy, dựa vào số liệu nêu trên cho thấy kết quả học tập được nâng lên khi áp dụng các giải pháp hỗ trợ môn học.

Bảng 2. Bảng phân phối bài kiểm tra số 1

	4.0	4.5	5.0	5.5	6.0	6.5	7.0	7.5	8.0	8.5
Lớp Đối chứng	1	1	5	1	7	4	6	2	1	0
Lớp Thực nghiệm	0	0	0	1	2	4	10	7	3	1

Bảng 3. Bảng tần số kỳ vọng xếp loại kết quả bài kiểm tra 1

Xếp loại	Tần số kỳ vọng	Lớp Đối chứng	Lớp Thực nghiệm	Tổng
Giỏi	Số lượng	1	4	5
	Tần số kỳ vọng	2.5	2.5	5
	Tỷ lệ %	3.6%	14.3%	17.9%
Khá	Số lượng	8	17	25
	Tần số kỳ vọng	12.5	12.5	25
	Tỷ lệ %	28.6%	60.7%	89.3%
Trung bình	Số lượng	17	7	24
	Tần số kỳ vọng	12	12	24
	Tỷ lệ %	60.7%	25.0%	85.7%
Yếu	Số lượng	2	0	2
	Tần số kỳ vọng	1	1	2
	Tỷ lệ %	7.1%	0.0%	0.0%
Tổng	Số lượng	28	28	56
	Tần số kỳ vọng	28	28	56
	Tỷ lệ %	100%	100%	100%

Bảng 4. Bảng kiểm nghiệm chi bình phương 1

Chi-Square Tests			
	Value	df	Asymp. Sig. (2-sided)
Pearson Chi-Square	11.207	3	0.011
N of Valid Cases	56		

Bài kiểm tra số 2

Qua bảng thống kê điểm trung bình ở bảng 5, lớp Thực nghiệm có điểm trung bình là 7.25 trong khi đó lớp Đối chứng chỉ có điểm trung bình là 6.71. Độ lệch chuẩn giữa hai lớp chỉ có 0.13. Phân bố nào có độ

lệch chuẩn nhỏ hơn thì trung bình cộng của phân bố ấy có tính chất tượng trưng cao hơn. Do đó, kết quả học tập của sinh viên được nâng cao đáng kể khi áp dụng hình thức học tập mới, điều đó thể hiện ở điểm số học tập của hai lớp.

Bảng 5. Bảng thống kê điểm trung bình bài kiểm tra số 2

Điểm số X_i	Lớp Đối chứng			Lớp Thực nghiệm		
	Tần số xuất hiện f_i	Tổng điểm số $X_i f_i$	$X_i^2 f_i$	Tần số xuất hiện f_i	Tổng điểm số $X_i f_i$	$X_i^2 f_i$
Tổng số	$\Sigma f_i = 28$	$\Sigma X_i f_i = 188$	$\Sigma X_i^2 f_i = 1285$	$\Sigma f_i = 28$	$\Sigma X_i f_i = 203$	$\Sigma X_i^2 f_i = 1488.5$
Điểm TB $\bar{X}$	$\bar{X} = \frac{\Sigma X_i f_i}{\Sigma f_i} = 6.7143$			$\bar{X} = \frac{\Sigma X_i f_i}{\Sigma f_i} = 7.25$		
Độ lệch chuẩn	$S_x = \sqrt{\frac{n \Sigma X_i^2 f_i - (\Sigma X_i f_i)^2}{n(n-1)}} = 0.9172$			$S_x = \sqrt{\frac{n \Sigma X_i^2 f_i - (\Sigma X_i f_i)^2}{n(n-1)}} = 0.787636$		

Qua bảng thống kê điểm trung bình nêu trên, lớp Thực nghiệm có điểm trung bình là 7.25 trong khi đó lớp Đối chứng chỉ có điểm trung bình là 6.71. Độ lệch chuẩn giữa hai lớp chỉ có 0.13. Phân bố nào có độ lệch chuẩn nhỏ hơn thì trung bình cộng của

phân bố ấy có tính chất tượng trưng cao hơn. Do đó, kết quả học tập của sinh viên được nâng cao đáng kể khi áp dụng hình thức học tập mới, điều đó thể hiện ở điểm số học tập của hai lớp.

Bảng 6. Bảng phân phối bài kiểm tra số 2

	4.0	4.5	5.0	5.5	6.0	6.5	7.0	7.5	8.0	8.5	9.0	9.5	10
Lớp Đối chứng	0	0	3	0	7	2	9	2	5	0	0	0	0
Lớp Thực nghiệm	0	0	0	1	2	2	10	3	9	1	0	0	0

Bảng 7. Bảng tần số kỳ vọng xếp loại kết quả bài kiểm tra 2

Xếp loại	Tần số kỳ vọng	Lớp đối chứng	Lớp thực nghiệm	Tổng
Giỏi	Số lượng	5	8	13
	Tần số kỳ vọng	6.5	6.5	13
	Tỷ lệ (%)	17.9	28.6	46.4
Khá	Số lượng	11	14	25
	Tần số kỳ vọng	12.5	12.5	25
	Tỷ lệ (%)	39.3	50.0	89.3

Xếp loại	Tần số kỳ vọng	Lớp đối chứng	Lớp thực nghiệm	Tổng
Trung bình	Số lượng	12	6	18
	Tần số kỳ vọng	9	9	18
	Tỷ lệ (%)	42.9	21.4	64.3
Tổng	Số lượng	28	28	56
	Tần số kỳ vọng	28	28	56
	Tỷ lệ (%)	100	100	100

Bảng 8. Bảng kiểm nghiệm chi bình phương 1

Chi-Square Tests			
	Value	df	Asymp. Sig. (2-sided)
Pearson Chi-Square	10.052	2	0.217
N of Valid Cases	56		

Kiểm nghiệm giả thuyết thống kê: Sử dụng kiểm định Independent-samples T-test.

Kiểm nghiệm giả thuyết với hai mẫu độc lập: Khảo sát sự khác biệt về điểm kiểm tra của sinh viên hai lớp Thực nghiệm và Đối chứng. Trị số dân số: Gọi μ_1, μ_2 lần lượt là trung bình điểm số của sinh viên tại lớp Thực nghiệm và Đối chứng.

Các giả thuyết: $H_0: \mu_1 - \mu_2 = 0$ (Không có sự khác biệt giữa điểm số của sinh viên lớp Thực nghiệm và Đối chứng); $H_1: \mu_1 - \mu_2 \neq 0$ (Có sự khác biệt giữa điểm số của sinh viên lớp Thực nghiệm và Đối chứng).

Chọn mức ý nghĩa: $\alpha = 0.05$

Trị số mẫu: $\bar{X}_{TN} - \bar{X}_{ĐC} = 7.09 - 6.14 = 0.95$

Phân bố mẫu bình thường (phân bố t), n_{TN} và $n_{ĐC} < 30$

Biến số kiểm nghiệm:

Biến số kiểm nghiệm điểm kiểm tra lần 1:

$$t_1 = \frac{\bar{X}_{TN} - \bar{X}_{ĐC}}{\sqrt{\frac{S_{TN}^2}{n_{TN}} + \frac{S_{ĐC}^2}{n_{ĐC}}}} = \frac{7.09 - 6.14}{\sqrt{\frac{0.449}{28} + \frac{0.81}{28}}} = 4.47$$

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Hồ Chí Minh (1977), *Về vấn đề học tập*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
- [2] Trương Anh Tuấn, Bùi Thế Hiển (1998), *Lý luận Thể dục thể thao*, Nxb Thể dục thể thao.
- [3] https://www.google.com.vn/?gws_rd=ssl.

Ngày nhận bài: 10-5-2017. Ngày biên tập xong: 30-6-2017. Duyệt đăng: 19-5-2018.

Biến số kiểm nghiệm điểm kiểm tra lần 2:

$$t_2 = \frac{\bar{X}_{TN} - \bar{X}_{ĐC}}{\sqrt{\frac{S_{TN}^2}{n_{TN}} + \frac{S_{ĐC}^2}{n_{ĐC}}}} = \frac{7.25 - 6.714}{\sqrt{\frac{0.608}{28} + \frac{0.846}{28}}} = 2.38$$

Vùng bác bỏ

Với $\alpha = 0.05$ tra bảng t $\rightarrow t_{0.05} = 2.052$

Nếu $t < -2.052$ hoặc $t > 2.052$, ta bác bỏ H_0 , chấp nhận H_1 ; Nếu $(-2.052 \leq t \leq 2.052)$, ta chấp nhận H_0 .

5. KẾT LUẬN

Qua số liệu, chúng ta thấy biến số kiểm nghiệm qua hai lần kiểm tra lần lượt là $t_1 = 4.47$ và $t_2 = 2.38$ đều lớn hơn $t_{0.05} = 2.052$ nên ta bác bỏ H_0 , chấp nhận H_1 : Nghĩa là chấp nhận có sự khác biệt giữa điểm số của sinh viên lớp Thực nghiệm và Đối chứng. Điều đó cho thấy khi áp dụng triển khai dạy học có sử dụng các phương pháp trò chơi hỗ trợ giúp nâng cao chất lượng dạy học, thông qua kết quả lớp thực nghiệm cao hơn lớp đối chứng về mặt định tính lẫn định lượng.